| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-4-2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn, nuôi con"***.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Xuyên.

Bà Đặng Thị Kim Xuyến.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***: Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 631/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1990. (có mặt)

Cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cư trú: Tổ 18, Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà và ông N chung sống với nhau vào tháng 4/2007, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sống hạnh phúc đến tháng 4/2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng uống rượu, đánh đập bà nhiều lần, có khuyên nhiều lần nhưng ông N không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung vào tháng 01/2017 không tới lui thăm nhau, gia đình 02 bên không dàn xếp. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hồ Hiệp H, sinh ngày 19/02/2010. Hiện cháu H đang sống chung với bà. Khi ly hôn, yêu cầu được

tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chồng cấp nuôi dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Chị X và anh N không đăng ký kết hôn, nên căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không công nhận Chị X và anh N là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồ Hiệp H, sinh ngày 19/02/2010, hiện đang sống với chị X. Khi ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, con chung do chị X chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu H phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Cháu H có nguyện vọng sống với chị X. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu H, nghĩ nên để chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con chung, tài sản chung: Không có, không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị X khởi kiện ông Hồ Văn N, ông N cư trú ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà X và ông N sống chung với nhau vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông N không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà X và ông N là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồ Hiệp H, sinh ngày 19/02/2010 đang sống với bà X. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu H đang sống ổn định với bà X, được đi học và phát triển bình thường. Cháu H cũng có nguyện vọng sống với bà X, bà X yêu cầu được nuôi dưỡng con chung ông N cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi con chung trưởng thành. Theo quy định pháp luật, khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con chưa thành niên. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà X. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng đến khi con chung thành niên.

[5]. Về tài sản chung: Bà X xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà X xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận bà X xác định hai người không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của hai người trong thời kỳ hôn nhân thì bà X và ông N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà X, ông N phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị X và ông Hồ Văn N là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hồ Hiệp H, sinh ngày 19/02/2010.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hồ Hiệp H mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng) đến khi con chung thành niên.

Bà X cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0018850 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Hồ Văn N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thành Tới**